

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Lý thuyết xác suất và nguyên lý thống kê - MH1104115

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110411501 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110120019	Lê Thị Phước Bình	29/04/2003	Bình	8.5	lăm, năm	C23TC1	
2	2110120018	Nguyễn Thị Thu Đạt	19/05/1997	Thu	8	lăm	C23TC1	
3	2110120008	Phạm Hải Đăng	16/05/2003	Đa	7	ba	C23TC1	
4	2110120009	Lê Ngọc Hân	04/10/2003	Hân	7.5	ba, năm	C23TC1	
5	2110120002	Nguyễn Quốc Khang	07/01/2003	Khang	6	sáu	C23TC1	
6	2110120022	Nguyễn Quốc Khánh	26/06/2003	Khánh	7	ba	C23TC1	
7	2110120013	Nguyễn Phước Lập	13/04/2002	Lập	7.5	ba, năm	C23TC1	
8	2110120012	Quan Thị Tuyết Minh	15/06/2003	Minh	7	ba	C23TC1	
9	2110120014	Nguyễn Ngọc Phương Nhi	12/05/2003	Nhi	7.5	ba, năm	C23TC1	
10	2110120001	Nguyễn Tấn Phong	05/08/2003	Phong	7	ba	C23TC1	
11	2110120024	Đoàn Ngọc Thanh	19/07/2003	Thanh	7.5	ba, năm	C23TC1	
12	2110120025	Lê Hoàng Thái	24/08/2003	Thái	6.5	lăm, năm	C23TC1	
13	2110120021	Võ Thị Anh Thơ	16/08/2003	Thơ	7	ba	C23TC1	
14	2110120004	Lê Thị Mỹ Thương	23/06/2003	Thương	6	sáu	C23TC1	
15	2110120017	Ngô Hiếu Toàn	06/11/2003	Toàn	7.5	ba, năm	C23TC1	
16	2110120005	Nguyễn Thị Phương Trinh	01/09/2003	Trinh	7.5	ba, năm	C23TC1	
17	2110120003	Võ Thị Ngọc Trinh	20/07/2003	Trinh	8	lăm	C23TC1	
18	2110120023	Cao Thụy Mỹ Tuyên	02/11/2003	Tuyên	7	ba	C23TC1	
19	2110120020	Trần Phan Kim Tuyền	19/04/2003	Tuyền	6	sáu	C23TC1	
20	2110120007	Nguyễn Thị Mỹ Uyên	15/06/2003	Uyên	7	ba	C23TC1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 20 vắng thi: 0. Số bài thi: _____ / _____.

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

Ngày 7 tháng 7 năm 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 7 tháng 7 năm 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung San



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Lý thuyết xác suất và nguyên lý thống kê - MH1104115

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110411501

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110120019	Lê Thị Phước Bình	29/04/2003	Bình	8	8	C23TC1	
2	2110120018	Nguyễn Thị Thu Đạt	19/05/1997	Thu	8	8	C23TC1	
3	2110120008	Phạm Hải Đăng	16/05/2003	Đec	8	8	C23TC1	
4	2110120009	Lê Ngọc Hân	04/10/2003	Hân	7.5	hân	C23TC1	
5	2110120002	Nguyễn Quốc Khang	07/01/2003	Khang	7.5	khang	C23TC1	
6	2110120022	Nguyễn Quốc Khánh	26/06/2003	Khánh	7.5	khánh	C23TC1	
7	2110120013	Nguyễn Phước Lập	13/04/2002	Lập	7.5	lập	C23TC1	
8	2110120012	Quan Thị Tuyết Minh	15/06/2003	Minh	7.5	minh	C23TC1	
9	2110120014	Nguyễn Ngọc Phương Nhi	12/05/2003	Nhi	7.5	nhi	C23TC1	
10	2110120001	Nguyễn Tấn Phong	05/08/2003	Phong	8	8	C23TC1	
11	2110120024	Đoàn Ngọc Thanh	19/07/2003	Thanh	7	7	C23TC1	
12	2110120025	Lê Hoàng Thái	24/08/2003	Thái	8	8	C23TC1	
13	2110120021	Võ Thị Anh Thơ	16/08/2003	Thơ	8	8	C23TC1	
14	2110120004	Lê Thị Mỹ Thương	23/06/2003	Thương	7.5	thương	C23TC1	
15	2110120017	Ngô Hiếu Toàn	06/11/2003	Toàn	7.5	toàn	C23TC1	
16	2110120005	Nguyễn Thị Phương Trinh	01/09/2003	Trinh	7.5	trinh	C23TC1	
17	2110120003	Võ Thị Ngọc Trinh	20/07/2003	Trinh	7.5	trinh	C23TC1	
18	2110120023	Cao Thụy Mỹ Tuyên	02/11/2003	Tuyên	7	7	C23TC1	
19	2110120020	Trần Phan Kim Tuyền	19/04/2003	Tuyền	7.5	7.5	C23TC1	
20	2110120007	Nguyễn Thị Mỹ Uyên	15/06/2003	Uyên	7.5	7.5	C23TC1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 20 vắng thi: 0. Số bài thi: _____/_____.

Số sinh viên đạt/không đạt: _____/_____.

Tỷ lệ đạt: _____, _____%

Ngày: 10 tháng 7 năm 2022

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày: 10 tháng 7 năm 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung San



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Lý thuyết xác suất và nguyên lý thống kê - MH1104115

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110411501

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110120048	Nguyễn Trường An	03/07/2002		8	đạt	C23TC2	
2	2110120029	Trần Thế Anh	25/05/2003		8.5	đạt, năm	C23TC2	
3	2110120030	Lê Thị Thùy Dương	23/04/2003		6.5	sai, năm	C23TC2	
4	2110120027	Hồ Thị Thu Đào	25/06/2000		7	đạt	C23TC2	
5	2110120047	Nguyễn Trần Châu Giang	18/12/2003		7	đạt	C23TC2	
6	2110120046	Trần Thị Huỳnh Hạ	07/07/2003		7.5	đạt, năm	C23TC2	
7	2110120026	Hà Bảo Hân	08/09/2003		6	sai	C23TC2	
8	2110120035	Võ Thị Mỹ Huyền	12/02/2003		7.5	đạt, năm	C23TC2	
9	2110120041	Trần Thị Bích Liễu	06/05/2003		6.5	sai, năm	C23TC2	
10	2110120040	Nguyễn Thị Ngọc Linh	07/05/2003		6.5	sai, năm	C23TC2	
11	2110120032	Nguyễn Thị Trúc Linh	18/11/2003		7.5	đạt, năm	C23TC2	
12	2110120042	Phạm Huỳnh Khánh Mai	04/08/2003		6.5	sai, năm	C23TC2	
13	2110120034	Trần Thụy Ái My	16/06/2003		6	sai	C23TC2	
14	2110120043	Đỗ Hà Minh Nhật	11/02/2003		7.5	đạt, năm	C23TC2	
15	2110120045	Nguyễn Phạm Thanh Tài	04/11/2003		6.5	sai, năm	C23TC2	
16	2110120038	Võ Duy Thịnh	06/05/2003		8.5	đạt, năm	C23TC2	
17	2110120039	Nguyễn Anh Thư	23/04/2003		8	đạt	C23TC2	
18	2110120036	Nguyễn Thị Thu Trang	12/04/2003		7.5	đạt, năm	C23TC2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 48 vắng thi: 0 . Số bài thi: _____ / _____ .

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____ , _____ %

Ngày: 10 tháng 7 năm 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày: 10 tháng 7 năm 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Lý thuyết xác suất và nguyên lý thống kê - MH1104115

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110411501

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110120048	Nguyễn Trường An	03/07/2002		8	8	C23TC2	
2	2110120029	Trần Thế Anh	25/05/2003		8	8	C23TC2	
3	2110120030	Lê Thị Thùy Dương	23/04/2003		8	8	C23TC2	
4	2110120027	Hồ Thị Thu Đào	25/06/2000		8	8	C23TC2	
5	2110120047	Nguyễn Trần Châu Giang	18/12/2003		8	8	C23TC2	
6	2110120046	Trần Thị Huỳnh Hạ	07/07/2003		7.5	7.5	C23TC2	
7	2110120026	Hà Bảo Hân	08/09/2003		7.5	7.5	C23TC2	
8	2110120035	Võ Thị Mỹ Huyền	12/02/2003		7.5	7.5	C23TC2	
9	2110120041	Trần Thị Bích Liễu	06/05/2003		8	8	C23TC2	
10	2110120040	Nguyễn Thị Ngọc Linh	07/05/2003		8	8	C23TC2	
11	2110120032	Nguyễn Thị Trúc Linh	18/11/2003		7	7	C23TC2	
12	2110120042	Phạm Huỳnh Khánh Mai	04/08/2003		8	8	C23TC2	
13	2110120034	Trần Thụy Ái My	16/06/2003		7.5	7.5	C23TC2	
14	2110120043	Đỗ Hà Minh Nhật	11/02/2003		8	8	C23TC2	
15	2110120045	Nguyễn Phạm Thanh Tài	04/11/2003		6	6	C23TC2	
16	2110120038	Võ Duy Thịnh	06/05/2003		8	8	C23TC2	
17	2110120039	Nguyễn Anh Thư	23/04/2003		8	8	C23TC2	
18	2110120036	Nguyễn Thị Thu Trang	12/04/2003		7.5	7.5	C23TC2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 18 vắng thi: 0. Số bài thi: /

Số sinh viên đạt/không đạt: /

Tỷ lệ đạt: , %

Ngày 20 tháng 7 năm 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 10 tháng 7 năm 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Lý thuyết xác suất và nguyên lý thống kê - MH1104115

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110411501

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110110004	Nguyễn Thị Ngọc Hân	01/12/2003	<i>hân</i>	7	ba, năm	C23KT1	
2	2110110033	Đỗ Thị Thanh Hương	13/12/2003	<i>huong</i>	7.5	ba, năm	C23KT1	
3	2110110006	Nguyễn Thị Kiều Mi	12/07/2003	<i>mi</i>	7.5	ba, năm	C23KT1	
4	2110110020	Nguyễn Thị Trà Mi	12/06/2003	<i>mi</i>	7.5	ba, năm	C23KT1	
5	2110110018	Phan Ngọc Muội	17/05/2003	<i>muoi</i>	7.5	ba, năm	C23KT1	
6	2110110010	Dương Thị Thu Ngân	07/08/2003	<i>ngan</i>	7.5	ba, năm	C23KT1	
7	2110110034	Đặng Lê Uyên Nhi	20/09/2003	<i>nhi</i>	6.5	sáu, năm	C23KT1	
8	2110110015	Lê Bùi Thúy Nhi	24/08/2003	<i>nhi</i>	8	tám	C23KT1	
9	2110110029	Nguyễn Huỳnh Khánh Nhi	06/10/2003	<i>nhi</i>	7.5	ba, năm	C23KT1	
10	2110110014	Lê Thị Tuyết Nhung	28/10/2003	<i>nhung</i>	6	sáu	C23KT1	
11	2110110027	Ngô Thị Hồng Nhung	16/04/2003	<i>nhung</i>	6.5	sáu, năm	C23KT1	
12	2110110021	Võ Lâm Hồng Nhung	24/10/2003	<i>nhung</i>	6.5	sáu, năm	C23KT1	
13	2110110011	Huỳnh Thị Hồng Phúc	18/11/2003	<i>phu</i>	8	tám	C23KT1	
14	2110110001	Nguyễn Bích Minh Phương	03/02/1995	<i>ph</i>	7.5	ba, năm	C23KT1	
15	2110110008	Nguyễn Kim Quyên	30/05/2003	<i>quyen</i>	8	tám	C23KT1	
16	2110110017	Trần Thị Ngọc Thảo	19/09/2003	<i>thao</i>	7.5	ba, năm	C23KT1	
17	2110110005	Trần Thị Hoàng Thơ	03/08/2003	<i>tho</i>	6.5	sáu, năm	C23KT1	
18	2110110024	Vũ Minh Thư	29/10/2003	<i>thu</i>	7.5	ba, năm	C23KT1	
19	2110110002	Võ Thị Thu Trang	27/06/1999	<i>trang</i>	6.5	sáu, năm	C23KT1	
20	2110110016	Nguyễn Thanh Tuấn	29/06/2003	<i>tuân</i>	7	ba, năm	C23KT1	
21	2110110022	Đoàn Phạm Thanh Vy	27/02/2003	<i>vy</i>	7.5	ba, năm	C23KT1	
22	2110110030	Nguyễn Hoàng Khánh Vy	26/07/2003	<i>vy</i>	7	ba	C23KT1	
23	2110110025	Nguyễn Lê Khánh Vy	15/09/2003	<i>vy</i>	7.5	ba, năm	C23KT1	
24	2110110023	Mai Thị Hương Yến	16/09/2002	<i>yen</i>	6.5	sáu, năm	C23KT1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 24 vắng thi: 0 . Số bài thi: _____ / _____

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 2 tháng 7 năm 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

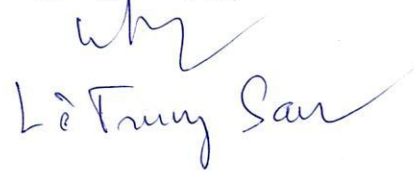


ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 10 tháng 7 năm 2020

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



TRƯ

KH



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Lý thuyết xác suất và nguyên lý thống kê - MH1104115

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110411501

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110110004	Nguyễn Thị Ngọc Hân	01/12/2003		8	8	C23KT1	
2	2110110033	Đỗ Thị Thanh Hương	13/12/2003		8	8	C23KT1	
3	2110110006	Nguyễn Thị Kiều Mi	12/07/2003		6.5	sáu, năm	C23KT1	
4	2110110020	Nguyễn Thị Trà Mi	12/06/2003		8	8	C23KT1	
5	2110110018	Phan Ngọc Muội	17/05/2003		7.5	bảy, năm	C23KT1	
6	2110110010	Dương Thị Thu Ngân	07/08/2003		7.5	bảy, năm	C23KT1	
7	2110110034	Đặng Lê Uyên Nhi	20/09/2003		8	8	C23KT1	
8	2110110015	Lê Bùi Thúy Nhi	24/08/2003		8	8	C23KT1	
9	2110110029	Nguyễn Huỳnh Khánh Nhi	06/10/2003		7.5	bảy, năm	C23KT1	
10	2110110014	Lê Thị Tuyết Nhung	28/10/2003		6.5	sáu, năm	C23KT1	
11	2110110027	Ngô Thị Hồng Nhung	16/04/2003		6.5	sáu, năm	C23KT1	
12	2110110021	Võ Lâm Hồng Nhung	24/10/2003		7	bảy	C23KT1	
13	2110110011	Huỳnh Thị Hồng Phúc	18/11/2003		6.5	sáu, năm	C23KT1	
14	2110110001	Nguyễn Bích Minh Phương	03/02/1995		8	8	C23KT1	
15	2110110008	Nguyễn Kim Uyên	30/05/2003		7.5	bảy, năm	C23KT1	
16	2110110017	Trần Thị Ngọc Thảo	19/09/2003		7.5	bảy, năm	C23KT1	
17	2110110005	Trần Thị Hoàng Thơ	03/08/2003		6.5	sáu, năm	C23KT1	
18	2110110024	Vũ Minh Thư	29/10/2003		7.5	bảy, năm	C23KT1	
19	2110110002	Võ Thị Thu Trang	27/06/1999		8	8	C23KT1	
20	2110110016	Nguyễn Thanh Tuấn	29/06/2003		8	8	C23KT1	
21	2110110022	Đoàn Phạm Thanh Vy	27/02/2003		7.5	bảy, năm	C23KT1	
22	2110110030	Nguyễn Hoàng Khánh Vy	26/07/2003		6	sáu	C23KT1	
23	2110110025	Nguyễn Lê Khánh Vy	15/09/2003		7.5	bảy, năm	C23KT1	
24	2110110023	Mai Thị Hương Yên	16/09/2002		6.5	sáu, năm	C23KT1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 24 vắng thi: 0. Số bài thi: _____/_____.

Số sinh viên đạt/không đạt: _____/_____.

Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

Ngày 20 tháng 7 năm 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

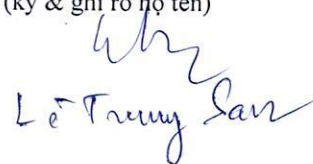


ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 10 tháng 7 năm 2020

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)





BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Lý thuyết xác suất và nguyên lý thống kê - MH1104115

Mã lớp học phần: MH110411501

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110110041	Phạm Ngọc Trâm Anh	24/07/2003		6	6	C23KT2	
2	2110110039	Bùi Đặng Mỹ Duyên	09/05/2003		8	8	C23KT2	
3	2110110048	Hà Thị Trúc Giang	08/07/2003		7	7	C23KT2	
4	2110110038	Nguyễn Ngọc Hà	24/09/2003		5.5	5.5	C23KT2	
5	2110110036	Lê Hồng Hạnh	21/04/2002		7.5	7.5	C23KT2	
6	2110110045	Đào Ngọc Hồng	20/06/2002		5.5	5.5	C23KT2	
7	2110110051	Nguyễn Hải Ngân	09/11/2003		7	7	C23KT2	
8	2110110050	Dương Thị Bé Ngọc	22/09/2003		8.5	8.5	C23KT2	
9	2110110044	Nguyễn Hoàng Nhân	06/02/2003		6.5	6.5	C23KT2	
10	2110110054	Nguyễn Yến Nhi	18/10/2003		8	8	C23KT2	
11	2110110042	Phạm Tâm Thiên	08/08/2003		8	8	C23KT2	
12	2110110046	Trần Nguyễn Ngọc Thủy	15/06/2003		8	8	C23KT2	
13	2110110055	Lê Quang Tiến	07/01/1999		7.5	7.5	C23KT2	
14	2110110057	Trần Thanh Trúc	13/09/2003		7.5	7.5	C23KT2	
15	2110110037	Bùi Thị Khánh Vy	26/07/2003		5.5	5.5	C23KT2	
16	2110110052	Lê Nguyễn Tường Vy	25/11/2001		5	5	C23KT2	
17	2110110047	Nguyễn Tường Vy	13/12/2003		5.5	5.5	C23KT2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 17 vắng thi: 0 . Số bài thi: _____ / _____.

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

Ngày: 30 tháng 7 năm 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày: 10 tháng 7 năm 2020

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Lý thuyết xác suất và nguyên lý thống kê - MH1104115

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110411501

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110110041	Phạm Ngọc Trâm Anh	24/07/2003		7.5	ba, năm	C23KT2	
2	2110110039	Bùi Đặng Mỹ Duyên	09/05/2003		8	tám	C23KT2	
3	2110110048	Hà Thị Trúc Giang	08/07/2003		8	tám	C23KT2	
4	2110110038	Nguyễn Ngọc Hà	24/09/2003		7.5	ba, năm	C23KT2	
5	2110110036	Lê Hồng Hạnh	21/04/2002		8	tám	C23KT2	
6	2110110045	Đào Ngọc Hồng	20/06/2002		7.5	ba, năm	C23KT2	
7	2110110051	Nguyễn Hải Ngân	09/11/2003		8	tám	C23KT2	
8	2110110050	Dương Thị Bé Ngọc	22/09/2003		8	tám	C23KT2	
9	2110110044	Nguyễn Hoàng Nhân	06/02/2003		8	tám	C23KT2	
10	2110110054	Nguyễn Yến Nhi	18/10/2003		8	tám	C23KT2	
11	2110110042	Phạm Tâm Thiên	08/08/2003		8	tám	C23KT2	
12	2110110046	Trần Nguyễn Ngọc Thủy	15/06/2003		8	tám	C23KT2	
13	2110110055	Lê Quang Tiến	07/01/1999		8	tám	C23KT2	
14	2110110057	Trần Thanh Trúc	13/09/2003		8	tám	C23KT2	
15	2110110037	Bùi Thị Khánh Vy	26/07/2003		7.5	ba, năm	C23KT2	
16	2110110052	Lê Nguyễn Tường Vy	25/11/2001		7.5	ba, năm	C23KT2	
17	2110110047	Nguyễn Tường Vy	13/12/2003		7.5	ba, năm	C23KT2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 17 vắng thi: 0 . Số bài thi: _____ / _____.

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

Ngày: 20 tháng 7 năm 2022

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiên Thông Minh

Ngày: 10 tháng 7 năm 2020

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung San

Thi

PHÒNG
KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Lý thuyết xác suất và nguyên lý thống kê - MH1104115

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110411501

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110110028	Hồ Hồng Yến Oanh	25/08/2003	<i>Oanh</i>	7	<i>bảy</i>	C23KT1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 1 vắng thi: 0 . Số bài thi: _____ / _____ .

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____ , _____ %

Ngày 30 tháng 7 năm 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 10 tháng 7 năm 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung San

Học kỳ 3 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Lý thuyết xác suất và nguyên lý thống kê - MH1104115

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110411501

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110110028	Hồ Hồng Yến Oanh	25/08/2003	<i>Oanh</i>	6	<i>ray</i>	C23KT1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 1 vắng thi: 0 . Số bài thi: _____ / _____ .

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____ , _____ %

Ngày: 7 tháng 7 năm 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày: 10 tháng 7 năm 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung San



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Lý thuyết xác suất và nguyên lý thống kê - MH1104115

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110411501

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

ST	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1810100029	Bùi Hồng Điệp	25/10/2000	<i>Điệp</i>	6	<i>trái</i>	C20QT3	
2	1810100081	Nguyễn Phước Thọ	12/03/2000	<i>Thọ</i>	8.5	<i>trái, phải</i>	C20QT2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 2 vắng thi: 0 . Số bài thi: _____ / _____ .

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____ Tỷ lệ đạt: _____ , _____ %

Ngày: 30 tháng 7 năm 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày: 10 tháng 7 năm 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung San

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Lý thuyết xác suất và nguyên lý thống kê - MH1104115

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110411501

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

ST	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1810100029	Bùi Hồng Điệp	25/10/2000	<i>Duy</i>	8	<i>huy</i>	C20QT3	
2	1810100081	Nguyễn Phước Thọ	12/03/2000	<i>tho</i>	8	<i>tho</i>	C20QT2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.Tổng số sinh viên dự thi : 2 vắng thi: 0 . Số bài thi: _____ / _____ .

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

Ngày: 30 tháng 7 năm 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày: 10 tháng 7 năm 2022

GIÁO VIÊN CHÁM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

Lê Trung San

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Lý thuyết xác suất và nguyên lý thống kê - MH1104115

Mã lớp học phần: MH110411501

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San

Ngày thi: 20/07/2022

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: A1.11

Giám thị 1:

PO Hany

Ký tên:

[Signature]

Giám thị 2:

GV Long

Ký tên:

[Signature]

Giám thị 3:

Ký tên:

Giám thị 4:

Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110120045	Nguyễn Phạm Thanh	Tài	04/11/2003	<i>[Signature]</i>	3	ba	C23TC2	
2	2110120024	Đoàn Ngọc	Thanh	19/07/2003	<i>[Signature]</i>	1	một	C23TC1	
3	2110110017	Trần Thị Ngọc	Thảo	19/09/2003	<i>[Signature]</i>	2	hai	C23KT1	
4	2110120025	Lê Hoàng	Thái	24/08/2003	<i>[Signature]</i>	1	một	C23TC1	
5	2110110042	Phạm Tâm	Thiên	08/08/2003	<i>[Signature]</i>	3	ba	C23KT2	
6	2110120038	Võ Duy	Thịnh	06/05/2003	<i>[Signature]</i>	6.5	sáu rưỡi	C23TC2	
7	1810100081	Nguyễn Phước	Thọ	12/03/2000	<i>[Signature]</i>	4.5	bốn rưỡi	C20QT2	
8	2110110005	Trần Thị Hoàng	Thơ	03/08/2003	<i>[Signature]</i>	6.5	sáu rưỡi	C23KT1	
9	2110120021	Võ Thị Anh	Thơ	16/08/2003	<i>[Signature]</i>	5	năm	C23TC1	
10	2110110046	Trần Nguyễn Ngọc	Thủy	15/06/2003	<i>[Signature]</i>	1	một	C23KT2	
11	2110120039	Nguyễn Anh	Thư	23/04/2003	<i>[Signature]</i>	2	hai	C23TC2	
12	2110110024	Vũ Minh	Thư	29/10/2003	<i>[Signature]</i>	3	ba	C23KT1	
13	2110120004	Lê Thị Mỹ	Thương	23/06/2003	<i>[Signature]</i>	0	không	C23TC1	
14	2110110055	Lê Quang	Tiến	07/01/1999	<i>[Signature]</i>	3	ba	C23KT2	
15	2110120017	Ngô Hiếu	Toàn	06/11/2003	<i>[Signature]</i>	6	sáu	C23TC1	
16	2110120036	Nguyễn Thị Thu	Trang	12/04/2003	<i>[Signature]</i>	2	hai	C23TC2	
17	2110110002	Võ Thị Thu	Trang	27/06/1999	<i>[Signature]</i>	4	bốn	C23KT1	
18	2110120005	Nguyễn Thị Phương	Trinh	01/09/2003	<i>[Signature]</i>	1.5	một rưỡi	C23TC1	
19	2110120003	Võ Thị Ngọc	Trinh	20/07/2003	<i>[Signature]</i>	3	ba	C23TC1	
20	2110110057	Trần Thanh	Trúc	13/09/2003				C23KT2	<i>VT</i>
21	2110110016	Nguyễn Thanh	Tuấn	29/06/2003	<i>[Signature]</i>	1	một	C23KT1	
22	2110120023	Cao Thụy Mỹ	Tuyên	02/11/2003	<i>[Signature]</i>	4	bốn	C23TC1	
23	2110120020	Trần Phan Kim	Tuyển	19/04/2003	<i>[Signature]</i>	5	năm	C23TC1	
24	2110120007	Nguyễn Thị Mỹ	Uyên	15/06/2003	<i>[Signature]</i>	1	một	C23TC1	
25	2110110037	Bùi Thị Khánh	Vy	26/07/2003	<i>[Signature]</i>	4	bốn	C23KT2	
26	2110110022	Đoàn Phạm Thanh	Vy	27/02/2003	<i>[Signature]</i>	3	ba	C23KT1	
27	2110110052	Lê Nguyễn Tường	Vy	25/11/2001	<i>[Signature]</i>	6	sáu	C23KT2	
28	2110110025	Nguyễn Lê Khánh	Vy	15/09/2003	<i>[Signature]</i>	1	một	C23KT1	
29	2110110047	Nguyễn Tường	Vy	13/12/2003	<i>[Signature]</i>	2.5	hai rưỡi	C23KT2	
30	2110110023	Mai Thị Hương	Yến	16/09/2002	<i>[Signature]</i>	3	ba	C23KT1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

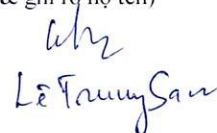
Tổng số sinh viên dự thi : 29 vắng thi: 1 . Số bài thi/Số tờ: / .
Số sinh viên đạt: Tỷ lệ đạt: %

Ngày 29 tháng 7 năm 2022
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Hồ Thuận Thông Minh

Ngày 26 tháng 7 năm 2022
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Lý thuyết xác suất và nguyên lý thống kê - MH1104115

Mã lớp học phần: MH110411501

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San

Ngày thi: 20/07/2022

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: A1.12

Giám thị 1: Ngô Tiến Dũng Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Trần T. N. Thuận Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: T. T. Nguyễn Ký tên: [Signature]

Giám thị 4: Cao T. Thanh Ký tên: [Signature]

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110120048	Nguyễn Trường An	03/07/2002	<u>[Signature]</u>		2	hai	C23TC2	
2	2110110041	Phạm Ngọc Trâm Anh	24/07/2003	<u>[Signature]</u>		3	ba	C23KT2	
3	2110120029	Trần Thế Anh	25/05/2003	<u>[Signature]</u>		4.5	hơn nửa	C23TC2	
4	2110120019	Lê Thị Phước Bình	29/04/2003	<u>[Signature]</u>		5	năm	C23TC1	
5	2110110039	Bùi Đặng Mỹ Duyên	09/05/2003	<u>[Signature]</u>		5	năm	C23KT2	
6	2110120030	Lê Thị Thùy Dương	23/04/2003	<u>[Signature]</u>		3	ba	C23TC2	
7	2110120027	Hồ Thị Thu Đào	25/06/2000	<u>[Signature]</u>		5	năm	C23TC2	
8	2110120018	Nguyễn Thị Thu Đạt	19/05/1997	<u>[Signature]</u>		7	bảy	C23TC1	
9	2110120008	Phạm Hải Đăng	16/05/2003	<u>[Signature]</u>		8	tám	C23TC1	
10	1810100029	Bùi Hồng Điệp	25/10/2000	<u>[Signature]</u>		6	sáu	C20QT3	
11	2110110048	Hà Thị Trúc Giang	08/07/2003	<u>[Signature]</u>		5	năm	C23KT2	
12	2110120047	Nguyễn Trần Châu Giang	18/12/2003	<u>[Signature]</u>		2	hai	C23TC2	
13	2110110038	Nguyễn Ngọc Hà	24/09/2003	<u>[Signature]</u>		4	bốn	C23KT2	
14	2110120046	Trần Thị Huỳnh Hạ	07/07/2003	<u>[Signature]</u>		4	bốn	C23TC2	
15	2110110036	Lê Hồng Hạnh	21/04/2002	<u>[Signature]</u>		2	hai	C23KT2	
16	2110120026	Hà Bảo Hân	08/09/2003	<u>[Signature]</u>		3	ba	C23TC2	
17	2110120009	Lê Ngọc Hân	04/10/2003	<u>[Signature]</u>		5	năm	C23TC1	
18	2110110004	Nguyễn Thị Ngọc Hân	01/12/2003	<u>[Signature]</u>		3	ba	C23KT1	
19	2110110045	Đào Ngọc Hồng	20/06/2002	<u>[Signature]</u>		2	hai	C23KT2	
20	2110120035	Võ Thị Mỹ Huyền	12/02/2003	<u>[Signature]</u>		3	ba	C23TC2	
21	2110110033	Đỗ Thị Thanh Hương	13/12/2003	<u>[Signature]</u>		3	ba	C23KT1	
22	2110120002	Nguyễn Quốc Khang	07/01/2003	<u>[Signature]</u>		4	bốn	C23TC1	
23	2110120022	Nguyễn Quốc Khánh	26/06/2003	<u>[Signature]</u>		5.5	năm	C23TC1	
24	2110120013	Nguyễn Phước Lập	13/04/2002	<u>[Signature]</u>		6	sáu	C23TC1	
25	2110120041	Trần Thị Bích Liễu	06/05/2003	<u>[Signature]</u>		6	sáu	C23TC2	
26	2110120040	Nguyễn Thị Ngọc Linh	07/05/2003	<u>[Signature]</u>		4	bốn	C23TC2	
27	2110120032	Nguyễn Thị Trúc Linh	18/11/2003	<u>[Signature]</u>		4	bốn	C23TC2	
28	2110120042	Phạm Huỳnh Khánh Mai	04/08/2003	<u>[Signature]</u>		3	ba	C23TC2	
29	2110110006	Nguyễn Thị Kiều Mi	12/07/2003	<u>[Signature]</u>		5	năm	C23KT1	
30	2110110020	Nguyễn Thị Trà Mi	12/06/2003	<u>[Signature]</u>		6	sáu	C23KT1	
31	2110120012	Quan Thị Tuyết Minh	15/06/2003	<u>[Signature]</u>		3	ba	C23TC1	
32	2110110018	Phan Ngọc Muội	17/05/2003	<u>[Signature]</u>		3	ba	C23KT1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2110120034	Trần Thụy Ái My	16/06/2003			3,5	ba rưỡi	C23TC2	
34	2110110010	Dương Thị Thu Ngân	07/08/2003			1	một	C23KT1	
35	2110110051	Nguyễn Hải Ngân	09/11/2003			4	bốn	C23KT2	
36	2110110050	Dương Thị Bé Ngọc	22/09/2003			6	sáu	C23KT2	
37	2110110044	Nguyễn Hoàng Nhân	06/02/2003			7,5	bảy rưỡi	C23KT2	
38	2110120043	Đỗ Hà Minh Nhật	11/02/2003			0	không	C23TC2	
39	2110110034	Đặng Lê Uyên Nhi	20/09/2003			2	hai	C23KT1	
40	2110110015	Lê Bùi Thúy Nhi	24/08/2003			8	tám	C23KT1	
41	2110110029	Nguyễn Huỳnh Khánh Nhi	06/10/2003			4	bốn	C23KT1	
42	2110120014	Nguyễn Ngọc Phương Nhi	12/05/2003			3	ba	C23TC1	
43	2110110054	Nguyễn Yến Nhi	18/10/2003			4	bốn	C23KT2	
44	2110110014	Lê Thị Tuyết Nhung	28/10/2003			3	ba	C23KT1	
45	2110110027	Ngô Thị Hồng Nhung	16/04/2003			1	một	C23KT1	
46	2110110021	Võ Lâm Hồng Nhung	24/10/2003			6	sáu	C23KT1	
47	2110120001	Nguyễn Tấn Phong	05/08/2003			4	bốn	C23TC1	
48	2110110011	Huỳnh Thị Hồng Phúc	18/11/2003			3	ba	C23KT1	
49	2110110001	Nguyễn Bích Minh Phương	03/02/1995			3	ba	C23KT1	
50	2110110008	Nguyễn Kim Quyên	30/05/2003			5	năm	C23KT1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 50 vắng thi: 0. Số bài thi/Số tờ: 50 / .

Số sinh viên đạt: Tỷ lệ đạt: %

Ngày: 27 tháng 7 năm 2022
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày: 27 tháng 7 năm 2022
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung Sơn